

Số: 4193 /BGDDĐT-GDDT  
V/v báo cáo ban hành VBQPPL có liên  
quan đến công tác dân tộc

*Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2021*

Kính gửi: Ủy ban Dân tộc

Phúc đáp Công văn số 1257/UBDT-PC ngày 10/9/2021 của Ủy ban Dân tộc về việc báo cáo ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) có liên quan đến công tác dân tộc, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) báo cáo việc ban hành VBQPPL đối với giáo dục dân tộc (GDDT) từ ngày 01/5/2020 đến ngày 30/6/2021 như sau:

### **I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

Bộ GDĐT xác định việc xây dựng thể chế là một trong những nhiệm vụ trọng tâm được ưu tiên hàng đầu của Bộ. Trong đó, tập trung vào việc hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về giáo dục và đào tạo của Bộ: các văn bản được rà soát để sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế những văn bản đã ban hành hoặc đang soạn thảo cho phù hợp với quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học, Luật Giáo dục 2019 và thực tiễn thi hành nhằm đảm bảo thống nhất và đồng bộ để văn bản đi vào cuộc sống, tạo cơ sở pháp lý trong công tác quản lý ngành.

Việc xây dựng, ban hành VBQPPL trong lĩnh vực GDDT của Bộ nói riêng được thực hiện trên cơ sở ưu tiên lựa chọn: văn bản hướng dẫn Luật, văn bản hướng dẫn các văn bản cấp trên, văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ... Chương trình soạn thảo văn bản xác định cụ thể tên văn bản, sự cần thiết, cơ sở pháp lý để ban hành, thời hạn, cán bộ, chuyên viên trực tiếp soạn thảo.... Đề cao trách nhiệm người đứng đầu đơn vị chủ trì soạn thảo trong việc bảo đảm tiến độ, chất lượng văn bản được giao soạn thảo. Đồng thời tăng cường công theo dõi, kiểm tra, đôn đốc và phối hợp với cơ quan thẩm định, thẩm tra...kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình nghiên cứu, soạn thảo.

Bộ GDĐT đã chỉ đạo các đơn vị thuộc Bộ và các sở GDĐT vùng dân tộc thiểu số, miền núi (DTTS, MN) phổ biến, quán triệt các chủ trương, chính sách của đảng, nhà nước về phát triển GDĐT vùng đồng bào DTTS, MN thông qua các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của ngành. Thực hiện phổ biến, quán triệt thông qua các hội nghị, hội thảo, tọa đàm về chính sách phát triển giáo dục vùng DTTS, MN đặc biệt là quán triệt tại hội nghị triển khai nhiệm vụ năm học và thông qua văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ hàng năm về GDDT.

Bộ GDĐT đã phối hợp với các cơ quan thông tấn báo chí của Trung ương và địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền về các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, các chương trình, đề án, dự án về phát triển giáo dục vùng DTTS, MN; giới thiệu và tuyên truyền về các chính sách mới được ban hành trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông qua các bài viết trên cổng Thông tin điện tử của Bộ.

## II. VIỆC BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC DÂN TỘC

### 1. Văn bản quy phạm pháp luật được ban hành (Phụ lục 1)

**1.1. Số lượng nội dung (Điều, khoản, điểm) được giao trong luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội có liên quan đến công tác dân tộc.**

Luật Giáo dục năm 2019 (Luật số: 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019) quy định một số nội dung liên quan đến chính sách phát triển GDDT, cụ thể như sau:

- **Khoản 2, Điều 11. Ngôn ngữ, chữ viết dùng trong cơ sở giáo dục:** “Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để người dân tộc thiểu số được học tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình theo quy định của Chính phủ:...”

- **Khoản 2, Điều 17: Đầu tư cho giáo dục:** “Nhà nước ưu tiên đầu tư và thu hút các nguồn đầu tư khác cho giáo dục; ưu tiên đầu tư cho phổ cập giáo dục, phát triển giáo dục ở miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, địa bàn có khu công nghiệp”.

- **Khoản 1, Điều 27: Chính sách phát triển giáo dục mầm non:** “Nhà nước có chính sách đầu tư phát triển giáo dục mầm non; ưu tiên phát triển giáo dục mầm non ở miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, địa bàn có khu công nghiệp”.

- **Điểm b, khoản 2, Điều 28: Cấp học và độ tuổi của giáo dục phổ thông:** “Học sinh học ở độ tuổi cao hơn tuổi quy định trong trường hợp học sinh học lưu ban, học sinh ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh là người khuyết tật, học sinh kém phát triển về thể lực hoặc trí tuệ, học sinh mồ côi không nơi nương tựa, học sinh thuộc hộ nghèo, học sinh ở nước ngoài về nước và trường hợp khác theo quy định của pháp luật”.

- **Khoản 4, Điều 28: Cấp học và độ tuổi của giáo dục phổ thông:** “Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào học lớp một; việc giảng dạy khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp; các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này”.

- **Điều 61. Trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường dự bị đại học:**

1. Nhà nước thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường dự bị đại học cho người học là người dân tộc thiểu số, người học thuộc gia đình định cư lâu dài tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

2. Trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường dự bị đại học được ưu tiên bố trí giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị và ngân sách.

3. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện học sinh được học trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường dự bị đại học.

**- Khoản 2, 3 Điều 77. Chính sách đối với nhà giáo:**

“2. Nhà giáo công tác tại trường chuyên, trường năng khiếu, trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường dự bị đại học, trường, lớp dành cho người khuyết tật, trường giáo dưỡng hoặc trường chuyên biệt khác, nhà giáo thực hiện giáo dục hòa nhập được hưởng chế độ phụ cấp và chính sách ưu đãi”.

“3. Nhà nước có chính sách khuyến khích, ưu đãi về chế độ phụ cấp và các chính sách khác đối với nhà giáo công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn”.

**- Khoản 1, 2 Điều 85. Học bổng, trợ cấp xã hội, miễn, giảm học phí, hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt:**

“1. Nhà nước có chính sách cấp học bổng khuyến khích học tập cho học sinh đạt kết quả học tập xuất sắc ở trường chuyên, trường năng khiếu quy định tại Điều 62 của Luật này và người học có kết quả học tập, rèn luyện từ loại khá trở lên ở cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học; cấp học bổng chính sách cho sinh viên hệ cử tuyển, học sinh trường dự bị đại học, trường phổ thông dân tộc nội trú, người học trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp dành cho thương binh, người khuyết tật”.

“2. Nhà nước có chính sách trợ cấp và miễn, giảm học phí cho người học là đối tượng được hưởng chính sách xã hội, người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trẻ mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo”.

**- Điều 87. Chế độ cử tuyển.**

1. Nhà nước thực hiện tuyển sinh vào trung cấp, cao đẳng, đại học theo chế độ cử tuyển đối với học sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người; học sinh là người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn chưa có hoặc có rất ít cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số; có chính sách tạo nguồn cử tuyển, tạo điều kiện thuận lợi để các đối tượng này vào học trường phổ thông dân tộc nội trú và tăng thời gian học dự bị đại học.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào nhu cầu của địa phương đề xuất, phân bổ chỉ tiêu cử tuyển; cử người đi học theo tiêu chuẩn, chỉ tiêu được duyệt; xét tuyển và bố trí việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

*Cơ sở giáo dục có trách nhiệm hỗ trợ cho người học theo chế độ cử tuyển để bảo đảm chất lượng đầu ra.*

*3. Người học theo chế độ cử tuyển có trách nhiệm trở về làm việc tại địa phương nơi cử đi học; được xét tuyển và bố trí việc làm.*

*4. Chính phủ quy định chi tiết tiêu chuẩn và đối tượng được hưởng chế độ cử tuyển; việc tổ chức thực hiện chế độ cử tuyển và việc tuyển dụng người học theo chế độ cử tuyển sau khi tốt nghiệp.*

**- Khoản 4, Điều 99. Học phí, chi phí của dịch vụ giáo dục, đào tạo:**

*“Trẻ em mầm non 05 tuổi ở thôn, xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng bãi ngang ven biển, hải đảo được miễn học phí”.*

***1.2. Số lượng nội dung các VBQPPL được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành có liên quan đến công tác dân tộc.***

- Từ ngày 01/5/2020 đến ngày 30/6/2021, Bộ GDĐT đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng, sửa đổi, bổ sung, trình Chính phủ ban hành 05 Nghị định về các chính sách ưu tiên đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là người DTTS (Phụ lục 1).

- Tính từ ngày 01/7/2021 đến 12/9/2021, Bộ GDĐT đã trình Chính phủ ban hành 02 Nghị định liên quan đến lĩnh vực giáo dục dân tộc, cụ thể:

+ *Nghị định số 77/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ quy định về chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo;*

+ *Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.*

***1.3. Số lượng nội dung các VBQPPL do bộ, ngành ban hành có liên quan đến công tác dân tộc.***

- Từ ngày 01/5/2020 đến ngày 30/6/2021, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chủ trì soạn thảo, ban hành 06 Thông tư quy định chính sách ưu tiên trong tuyển sinh đối với học sinh là người DTTS; Chương trình giáo dục phổ thông môn tiếng DTTS (08 tiếng); mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương/hạng viên chức trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập (Phụ lục 1).

- Hiện nay, Bộ GDĐT đang xây dựng 01 Đề án và 02 thông tư và liên quan đến lĩnh vực giáo dục dân tộc, cụ thể như sau:

+ *“Xây dựng Đề án nâng cao chất lượng dạy học các môn tiếng dân tộc thiểu số trong chương trình giáo dục phổ thông”.*

+ *Thông tư Quy định về tuyển sinh, bồi dưỡng dự bị đại học; phân bổ vào học trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non đối với học*

sinh dự bị đại học (Thông tư này thay thế Thông tư số 26/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016). Thông tư này quy định vùng tuyển sinh để tạo cơ hội cho học sinh DTTS được học tại các trường DBĐH;

+ Thông tư hướng dẫn thực hiện Điều 3, 4, 5, 6, 7, 8 và Điều 9 của Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên (thay thế Thông tư liên tịch số 50/2011/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 03 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính).

**1.4. Số lượng nội dung các VBQPPL do bộ, ngành phối hợp Ủy ban Dân tộc ban hành có liên quan đến công tác dân tộc. Không**

**1.5. Số lượng văn bản đã ban hành nhưng chậm so với yêu cầu của luật, pháp lệnh, nghị quyết. Không**

**2. Nội dung được giao nhưng chưa triển khai thực hiện. Không**

**3. Việc tuân thủ các quy định về thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục ban hành văn bản.**

Các VBQPPL do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành tuân thủ các quy định về thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục ban hành văn bản.

**4. Về tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật**

**4.1. Hình thức**

- Các VBQPPL thuộc lĩnh vực GDDT do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của VBQPPL và phù hợp các VBQPPL do Bộ, các Bộ, ngành có liên quan ban hành.

- Thể thức và kỹ thuật trình bày hình thức VBQPPL thực hiện theo quy định của Luật ban hành VBQPPL năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật ban hành VBQPPL.

**4.2. Nội dung**

Nội dung các VBQPPL nêu trên bảo đảm sự thống nhất trong hệ thống pháp luật, các VBQPPL đã được thẩm định trước khi ban hành, tác động tích cực đến sự ổn định phát triển của ngành giáo dục nói chung và GDDT nói riêng.

**4.3. Phát hiện VBQPPL ban hành có dấu hiệu trái luật: Không**

**4.4. Số văn bản phải sửa đổi, bổ sung.**

**4.4.1. Các VBQPPL do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành**

- Nghị định số 116/20016/NĐ-CP ngày 18/07/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.

- Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15/7/2010 của Chính phủ quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên.

- Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12 /2010 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006 của Chính phủ về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 19/2013/NĐ-CP ngày 23/ 02/2013.

- Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người DTTS học tại các cơ sở giáo dục đại học.

#### **4.4.2. Các VBQPPL do Bộ GDĐT ban hành, liên tịch ban hành**

- Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 25/5/2009 của liên Bộ Tài chính-Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn một số chế độ tài chính đối với học sinh các trường PTDTNT và các trường DBĐH.

- Thông tư liên tịch số 06/2007/TTLT-BGD-BNV-BTC ngày 27/3/2007 của liên bộ hướng dẫn thực hiện Nghị định 61/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Thông tư số 24/2010/TT-BGDĐT ngày 02/8/2010 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc bán trú, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 30/2015/TT-BGDĐT ngày 11/12/2015 của Bộ trưởng Bộ GDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc bán trú ban hành kèm theo Thông tư số 24/2010/TT-BGDĐT.

- Thông tư số 01/2016/TT-BGDĐT ngày 15/01/2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy chế về Tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú.

- Thông tư số 37/2014/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GDĐT về danh mục thiết bị dạy học tối thiểu tiếng DTTS.

- Quyết định số 13/2007/QĐ-BGDĐT ngày 03/5/2007 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Chương trình Xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ.

- Quyết định số 79/2008/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy định đánh giá và xếp loại học viên học chương trình xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Những kết quả đạt được**

- Về cơ bản, VBQPPL có liên quan đến công tác dân tộc, đặc biệt là lĩnh vực GDDT do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành tuân thủ các quy định của pháp luật, kịp thời giải quyết các vướng mắc phát sinh trong thực tiễn, có tác động tích cực đến tình hình kinh tế- xã hội và quản lý nhà nước của Bộ đối với công tác giáo dục và đào tạo ở vùng DTTS& MN, vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn. Nội dung các văn bản phù hợp với văn bản cấp trên và các VBQPPL do Bộ, các Bộ, ngành có liên quan ban hành. Thể thức và kỹ thuật trình bày VBQPPL thực hiện theo quy định của Luật ban hành VBQPPL năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật ban hành VBQPPL.

- Chất lượng và số lượng các văn bản quy phạm pháp luật về GDDT của Bộ ngày càng được nâng cao. Nội dung các VBQPPL bảo đảm sự thống nhất trong hệ thống pháp luật, các VBQPPL đã được thẩm định trước khi ban hành, góp phần tác động tích cực đến sự ổn định phát triển của ngành giáo dục; số lượng VBQPPL được ban hành đã đi vào cuộc sống, giải quyết bước đầu một số bức xúc của xã hội, được nhân dân ủng hộ, đồng tình. Công tác phối hợp của các đơn vị trong Bộ ngày càng tốt hơn, trách nhiệm của người đứng đầu ngày càng được nâng cao.

- Công tác phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Bộ đã được tăng cường và hiệu quả: giữa đơn vị chủ trì soạn thảo với đơn vị lấy ý kiến; giữa đơn vị chủ trì soạn thảo với cơ quan thẩm định, cơ quan thẩm tra; giữa đơn vị chủ trì soạn thảo với Nhóm nghiên cứu; giữa đơn vị chủ trì soạn thảo với đơn vị theo dõi, đôn đốc.

#### **2. Những hạn chế, tồn tại**

Trong thời gian qua, Bộ GDĐT đã tích cực trong việc rà soát, xây dựng, sửa đổi, bổ sung, thay thế các VBQPPL trong lĩnh vực GDDT cho phù hợp với Luật Giáo dục 2019 và tình hình thực tiễn. Tuy nhiên, hiện nay, số lượng VBQPPL liên quan đến GDDT cần phải sửa đổi, bổ sung còn khá nhiều.

Một số VBQPPL chưa đảm bảo được tiến độ theo Chương trình soạn thảo.

#### **3. Nguyên nhân hạn chế, tồn tại**

- Một số văn bản có nội dung phức tạp, đối tượng chịu tác động nhiều, cần có thời gian khảo sát, nghiên cứu và tổ chức lấy ý kiến; một số văn bản thực hiện theo quy định của Luật ban hành văn bản QPPL cần phải thống nhất với cơ quan có thẩm quyền về hình thức và nội dung; một số văn bản phải chờ văn bản cấp trên ban hành để làm căn cứ pháp lý.

- Do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến hết sức phức tạp, kéo dài, bão, lũ nghiêm trọng, ảnh hưởng rất lớn đến tình hình kinh tế-xã hội, trong đó có hoạt động công vụ liên quan đến công tác soạn thảo, ban hành VBQPPL.

#### **4. Các giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế**

- Tập trung chỉ đạo việc soạn thảo, ban hành theo thẩm quyền và trình cấp có thẩm quyền ban hành các VBQPPL đúng tiến độ và bảo đảm chất lượng, đặc biệt, các văn bản quy định chi tiết và triển khai thực hiện Luật và các văn bản trình cấp trên;

- Tăng cường lấy ý kiến đóng góp của các tổ chức, cá nhân có liên quan, các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự án, dự thảo; tăng cường làm việc chuyên gia, các nhà khoa học dưới các hình thức thích hợp. Tổ chức đánh giá tác động của việc soạn thảo, ban hành và thực hiện VBQPPL để có kế hoạch soạn thảo, sửa đổi, bổ sung, thay thế kịp thời. Tăng cường công tác truyền thông, tạo sự đồng thuận của xã hội trong quá trình soạn thảo, ban hành văn bản;

- Tăng cường theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện pháp luật và tổng kết thực tiễn thi hành pháp luật; đẩy mạnh công tác kiểm tra việc thực hiện văn bản sau khi được ban hành; kịp thời phát hiện các VBQPPL không phù hợp với thực tiễn, mâu thuẫn, chông chéo hoặc quá lạc hậu.

#### **IV. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ**

Đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ GDĐT sửa đổi Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 25/5/2009 của liên Bộ Tài chính-Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn một số chế độ tài chính đối với học sinh các trường PTDTNT và các trường DBĐH để đảm bảo nội dung chi, định mức chi phù hợp với tình hình thực tế hiện nay và bổ sung quy định định mức chi cụ thể về các khoản chế độ trang cấp hiện vật và các nội dung chi hỗ trợ khác cho học sinh.

Trên đây là báo cáo ban hành VBQPPL có liên quan đến lĩnh vực công tác dân tộc của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Kính gửi Ủy ban Dân tộc để tổng hợp báo cáo Hội đồng Dân tộc Quốc hội.

Trân trọng cảm ơn./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng Nguyễn Kim Sơn (để b/c);
- Công thông tin Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ GDDT.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỦ TRƯỞNG**



Ngô Thị Minh



**Phụ lục 1**

**TỔNG HỢP CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐÃ BAN HÀNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC DÂN TỘC  
CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỪ NGÀY 01/5/2020 ĐẾN NGÀY 30/6/2021**

(Kèm theo Công văn số **4.193** /BGDDĐT-GDDT ngày **24** tháng 9 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Tên văn bản (số, ký hiệu, ngày ban hành, cơ quan ban hành, tên gọi của văn bản)	Căn cứ ban hành		Thời điểm có hiệu lực thi hành	Thời gian chậm ban hành (nếu có)	Ghi chú
		Quy định chi tiết (luật, nghị quyết)	Ban hành theo thẩm quyền			
1	Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục.	Luật Giáo dục ngày 14/6/2019.	Chính phủ	01/9/2020		
2	Nghị định số 110/2020/NĐ-CP ngày 15/9/2020 của Chính phủ quy định chế độ khen thưởng đối với học sinh, sinh viên, học viên đoạt giải trong các kỳ thi quốc gia, quốc tế.	Luật Thi đua-khen thưởng ngày 26/11/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi đua-khen thưởng ngày 14/6/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi đua-khen thưởng ngày 16/11/2013.	Chính phủ	01/11/2020		
3	Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm	Luật Giáo dục ngày 14/6/2019.	Chính phủ	15/11/2020		

*Đào*

4	Nghị định số 141/2020/NĐ-CP ngày 08/12/2020 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số	Luật Giáo dục ngày 14/6/2019.	Chính phủ	23/01/2021		
5	Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.	Luật Giáo dục ngày 14/6/2019.	Chính phủ	01/11/2020		
6	Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên	Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013; Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019.	Bộ GDĐT	22/6/2020		
7	Thông tư số 34/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Chương trình giáo dục phổ thông môn học Tiếng Bahnar, Tiếng Chăm, Tiếng Êđê, Tiếng Jrai, Tiếng Khmer, Tiếng Mông, Tiếng Mnông, Tiếng Thái	Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15/7/2010.	Bộ GDĐT	01/11/2020		
8	Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo	Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013.	Bộ GDĐT	20/3/2021		

	dục mầm non công lập					
9	Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp hạng viên chức giảng dạy trong các trường tiểu học công lập	Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013.	Bộ GDĐT	20/3/2021		
10	Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học cơ sở công lập	Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013.	Bộ GDĐT	20/3/2021		
11	Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học phổ thông công lập	Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013.	Bộ GDĐT	20/3/2021		

*Buu*